

bilim
PHARMACEUTICALS

AMBROMED

Ambroxol Hydrochlorid

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Nếu cần tham thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ, dược sĩ.

[Thành phần]

Hoạt chất:

Mỗi 5 ml sirô chứa 30 mg Ambroxol hydrochlorid.

Tà được: Sorbitol 70 %, methyl parahydroxybenzoat, propyl parahydroxybenzoat, cherry flavor, natri citrat dihydrat, acid citric khan, nước tinh khiết, vừa đủ 150ml.

[Dạng bào chế] Sirô

[Quy cách đóng gói] Mỗi hộp chứa 1 lọ 150 ml sirô

[Chỉ định] Ambromed được chỉ định trong các trường hợp sau:

- Các bệnh cấp và mạn tính ở đường hô hấp có kèm tăng tiết dịch phế quản không bình thường, đặc biệt trong đợt cấp của viêm phế quản mạn, hen phế quản, viêm phế quản dạng hen.
- Các bệnh nhân sau mổ và cấp cứu để phòng các biến chứng ở phổi.

[Liều lượng và cách dùng]

Uống với nước sau khi ăn.

Người lớn và trẻ em trên 10 tuổi: 5 ml/lần, 3 lần/ngày. Sau đó ngày 2 lần nếu dùng kéo dài.

Trẻ em 5 - 10 tuổi: 2,5 ml/lần, ngày 3 lần. Sau đó ngày 2 lần nếu dùng kéo dài.

[Chống chỉ định]

Người bệnh đã biết quá mẫn với ambroxol.

Loét dạ dày tá tràng tiến triển.

[Thận trọng]

Cần chú ý với người bị loét đường tiêu hóa và các trường hợp ho ra máu, vì ambroxol có thể làm tan các cục đông fibrin và làm xuất huyết trở lại.

[Tác dụng không mong muốn]

Thường gặp, ADR > 1/100

Triệu chứng: Tái biến nhẹ, chủ yếu sau khi tiêm như ợ nóng, khó tiêu, đôi khi buồn nôn, nôn.

Ít gặp, 1/1000 < ADR < 1/100

Đi ỉm, chủ yếu phát ban.

Hiếm gặp, ADR < 1/1000

Phản ứng tiêu phản về cấp tính, nặng, nhưng chưa chắc chắn là có liên quan đến ambroxol, miệng khô, và tăng các transaminase.

Hướng dẫn cách xử trí ADR

Ngưng điều trị nếu cần thiết.

Thông báo ngay cho bác sĩ khi gặp phải các tác dụng không mong muốn của thuốc.

[Tương tác thuốc]

Dùng ambroxol với kháng sinh (amoxycilin, cefuroxim, erythromycin, doxycyclin) làm tăng nồng độ kháng sinh trong nhu mô phổi. Chưa có báo cáo về tương tác bất lợi với các thuốc khác trên lâm sàng.

[Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú]

- Thời kỳ mang thai: Chưa có tài liệu nói đến tác dụng xấu khi dùng thuốc trong lúc mang thai. Dù sao cũng cần thận trọng khi dùng thuốc này trong 3 tháng đầu của thai kỳ.

- Thời kỳ cho con bú: Chưa có thông tin về nồng độ của bromhexin cũng như ambroxol trong sữa.

[Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc]

- Không có dữ liệu nghiên cứu về ảnh hưởng của việc sử dụng Ambroxol đường uống tới khả năng lái xe và vận hành máy móc.

[Đặc tính dược lực học]

Ambroxol là một chất chuyển hóa của bromhexin, có tác dụng và công dụng như bromhexin. Ambroxol được coi như có tác dụng long đờm và làm tiêu chất nhầy nhưng chưa được chứng minh đầy đủ. Thúc nghiệm trên lâm sàng cho kết quả tác dụng thay đổi. Một vài tài liệu có nêu ambroxol cải thiện được triệu chứng và làm giảm số đợt cấp tính trong viêm phế quản.

Các tài liệu mới đây cho thấy, thuốc có tác dụng khá đối với người bệnh có tác nghẽn phổi nhẹ và trung bình, nhưng không có lợi ích rõ rệt cho những người bị bệnh phổi tắc nghẽn nặng. Khi dùng ambroxol cũng có tác dụng tốt đối với người bệnh ứ protein phế nang, mà không chịu nữa phế quản.

[Dược động học]

- Ambroxol hấp thu nhanh và gần như hoàn toàn với liều điều trị. Nồng độ tối đa trong huyết tương đạt được trong vòng 0,5 - 3 giờ sau khi dùng thuốc.

- Thuốc liên kết với protein huyết tương xấp xỉ 90%.

- Ambroxol khuếch tán nhanh từ máu đến mô với nồng độ thuốc cao nhất trong phổi. Nửa đời trong huyết tương từ 7 - 12 giờ.

- Khoảng 30% liều uống được thải qua vòng hấp thu đầu tiên. Ambroxol được chuyển hóa chủ yếu gan. Tổng lượng bài tiết qua thận xấp xỉ 90%.

[Quá liều]

Chưa có triệu chứng quá liều trên người. Nếu xảy ra, cần điều trị triệu chứng.

[Bảo quản] Bảo quản dưới 30°C, tránh ánh sáng.

[Hạn dùng] 60 tháng kể từ ngày sản xuất. Dùng trong vòng 30 ngày, kể từ khi mở nắp.

[Số K] VN-17476-13

ĐỂ THUỐC TRÁNH XA TẮM TAY TRẺ EM.

Nhà sản xuất

BILIM ILAÇ SANAYİ VE TİCARET A.Ş.
Gebze Organize Sanayi Bölgesi 1900 sokak,
No: 1904 41480 Gebze-Kocaeli, Thổ Nhĩ Kỳ

12026275

ORJUN ADI (PRODUCT NAME)	Ambromed (Sirô 150ml)	ULKE (CİLİZİ MARKET)	VIETNAM
DEĞİŞİKLİK TARİHİ (DATE)	22.11.2022	REKİMLERİ (RİNGİ) (COLOR)	Black
SİP KODU-REKİMLERİ (SIP CODE-REKİMLERİ)	12026275	ÇİĞİ KODU (ÇİĞİ) (CODE)	-
DOZUN İÇİ (CONTENTS)	200x150 ml	KİMLİK (KİMLİK) (LABEL)	ETİ KİMLİK (ETİ) KİMLİK (KİMLİK)
UTARILAR (MARKING)	1- BİLİM İLAÇ SANAYİ VE TİCARET A.Ş. 2- TİCARET A.Ş. 3- KİMLİK KİMLİK (KİMLİK) KİMLİK (KİMLİK) KİMLİK (KİMLİK) KİMLİK (KİMLİK)		
ACİLİMLER	-		
ÇİĞİ KODU-REKİMLERİ (CODE-REKİMLERİ)	GB-OK-22-0522		